

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 11-4-2025

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Long

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Phương

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hồi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Do Bản án dân sự số 11/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

- Các bị đơn:

1. Ông Vũ Như T, sinh năm 1963; (Có mặt).

2. Ông Vũ Bá H1, sinh năm 1976. (Có mặt).

Có cùng địa chỉ: Cẩm Trung 2, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Hồng T1.

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND. (Vắng mặt có lý do).

2. Bà Mai Thị H2, sinh năm 1971;

Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Văn H, sinh năm 1970; (Có mặt).

Đều có cùng địa chỉ: Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/6/2000 ông Đỗ Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên (UBND huyện Than Uyên) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482, diện tích 17.000 m² (gồm 02 thửa: Thửa 20.07 diện tích 9000m² và thửa 20.22 diện tích 8.000 m²); mục đích đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng đến tháng 6/2050; nguồn gốc đất do nhà nước giao đất cho các hộ dân có nhu cầu để trồng chè. Sau khi được giao, tháng 10/2000 ông H trồng chè (giống Kim Tuyên) trên toàn bộ diện tích theo dự án của huyện Than Uyên; Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mường Than giao trưởng bản phát giống và nghiệm thu. Cùng thời điểm có các hộ Kiều Văn D, Kiều Tràng T2, Kiều Văn V, Trịnh Thị T3 (đều trú tại Bản Sen Đông, xã Mường Than), hiện nay cây chè các hộ trên vẫn còn. Năm 2012 ông H vi phạm pháp luật, bị xử phạt, ông trốn nã rồi bị bắt và đến năm 2019 chấp hành án xong trở về địa phương, lúc đó ông phát hiện các hộ ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 đã chặt phá cây chè, múc đất làm gạch và trồng cây thông trên đất của ông H. Năm 2020, ông H làm đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết hành vi chiếm đất, phá chè của ông T, ông H1. Ngày 01/7/2021, UBND huyện Than Uyên có Báo cáo số 1739/BC-UBND trong đó kết luận ông H1, T đã chiếm đất, phá chè của H cụ thể như sau:

- Thửa số 20.22 tờ bản đồ SD02, diện tích 8.000 m² (diện tích thực tế 8.898 m²), hiện ông H1 đã trồng cây thông với diện tích là 6.582 m².

- Thửa số 20.07, tờ bản đồ SD02 diện tích 9.000 m² (diện tích thực tế 8.102 m²), hiện ông T đã trồng cây thông với diện tích 3.466,5 m².

Ông H đã yêu cầu phá bỏ cây thông và trả lại đất cho gia đình nhưng ông T, ông H1 không thực hiện. Ngày 15/12/2021 ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Bồi thường thiệt hại về tài sản: 1.768.000.000 đồng.

- Chặt bỏ cây thông; trả lại toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất lấn chiếm; chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông H.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, các biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn thống nhất trình bày:

Năm 2008 gia đình ông T, ông H1 được UBND huyện Than Uyên bàn giao mặt bằng tại các lô đất số 02 và số 03 (diện tích đất được ưu tiên trên cơ sở đất gia đình khai hoang khai phá từ năm 1983) để sản xuất vật liệu xây dựng tại bản Cẩm Trung 4 (nay là Cẩm Trung 2) xã Mường Than, huyện Than Uyên theo Nghị quyết số 10/NQ-HU ngày 27/4/2007; Công văn số 180/UBND-PCT ngày

28/5/2008 của UBND huyện về việc yêu cầu di chuyển các lò gạch vào khu quy hoạch tập trung xã Mường Than; Thông báo số 18/TB-CT ngày 29/5/2008 của UBND huyện về việc giao đất sản xuất vật liệu xây dựng tại Cẩm Trung 3 và Cẩm Trung 4 xã Mường Than, huyện Than Uyên. Các ông khai không biết Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND huyện Than Uyên về phê duyệt Đề án sản xuất vật liệu xây dựng huyện Than Uyên giai đoạn 2007-2010.

Trên giấy tờ diện tích đất được giao:

+ Hộ ông Vũ Như T: Lô số 2; diện tích 7.200m²; tứ cận: phía Nam giáp đồi, phía Tây giáp công ty Bảo Dương, phía Bắc giáp lô số 03 của ông Vũ Bá H1, phía Đông giáp đồi Sen Đông (không ghi giáp đất ông Đỗ Văn H).

+ Hộ ông Vũ Bá H1: Lô số 3; diện tích 7.000m²; tứ cận: phía Nam giáp lô 02 của ông Vũ Như T, phía Tây giáp công ty Bảo Dương, phía Bắc giáp lô số 04 của ông Vũ Văn H3, phía Đông giáp đồi Sen Đông (không ghi giáp đất ông Đỗ Văn H).

Tuy nhiên, do cỏ dại rậm rạp, không đo đạc được nên các ban ngành huyện khi giao đất đã xác định bằng cách chỉ tay, cắm cọc hai lô đất trên. Đất UBND huyện giao cho ông Vũ Như T, Vũ Bá H1 để sản xuất gạch chứ không phải giao cho hộ gia đình.

Sau khi được giao đất, ông T, ông H1 đã nhận đất và san gạt mặt bằng để sản xuất gạch, phần còn lại các ông trồng thông, không ai có ý kiến gì. Đến năm 2020 ông H làm đơn kiến nghị, phản ánh; quá trình giải quyết UBND huyện và các cơ quan chuyên môn đã không căn cứ vào hồ sơ, bản đồ giao đất gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của hộ ông H mà đã tự xác định ranh giới và cắm đất thực địa cho hộ ông H bao gồm cả diện tích đồi thông của ông T, ông H1 nên các ông không nhất trí. Năm 2011 khu đồi thông bị cháy, các hộ xung quanh được trực tiếp giúp ông T, ông H1 dập lửa nên việc trồng thông ông H ở nhà đã biết nhưng không ngăn cản.

Hồ sơ giao đất cho hộ ông H có 02 thửa. Hai thửa cách nhau một bãi chăn thả chưa được xác định. Diện tích thửa 20.22 trong biên bản làm việc ngày 29/3/2021 đã nêu có giáp ranh với đất ông H1 được giao bằng một rãnh hào do hai gia đình ông H, ông D tự đào khoảng năm 2015, 2016.

Phần diện tích đất được giao gia đình vẫn đang sử dụng chưa hết đất, các thửa đất không giáp ranh với thửa 20.07 mà chỉ giáp với thửa 20.22 như trong biên bản làm việc ngày 29/3/2021. Như vậy diện tích thửa 20.07 nằm ngoài khu vực rừng thông. Việc các cơ quan chuyên môn ghép rừng thông của ông T, H1 vào thửa 20.22 của ông H rồi chia đôi 2 thửa đất và cho rằng bị đơn lấn chiếm đất là không đúng.

Do đó các bị đơn khẳng định không lấn chiếm đất của ông H và không có trách nhiệm bồi thường như ông H yêu cầu.

[1.3] Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các văn bản và tài liệu, chứng cứ gửi Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Mai Thị H2: Kết hôn với ông H từ năm 2003, là công nhân chè tại huyện Tân Uyên, được hỗ trợ ông H về kỹ thuật trồng chè, trực tiếp cùng ông H chăm sóc và thu hoạch chè. Năm 2012, ông H vi phạm pháp luật và trốn khỏi địa phương, năm 2016 đầu thú đến năm 2019 chấp hành xong án. Trong thời gian đó bà H2 phát hiện ông T, H1 phá chè nhưng các ông nói rằng đã hỏi mượn ông H và chờ ông H về giải quyết. Bản thân bà không biết việc ông H đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trồng chè nên cũng không báo chính quyền địa phương can thiệp. Bà H2 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H.

- UBND huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu:

Hai hộ ông T và H1 được các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện bàn giao mặt bằng sản xuất vật liệu xây dựng tại bản Cẩm Trung 4 (hiện nay là Cẩm Trung 2), xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Việc bàn giao đất được triển khai theo Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 27/4/2007 của Huyện ủy Than Uyên về lãnh đạo thực hiện đề án quy hoạch sản xuất vật liệu xây dựng theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND huyện Than Uyên về phê duyệt Đề án sản xuất vật liệu xây dựng huyện Than Uyên giai đoạn 2007-2010.

Căn cứ biên bản bàn giao mặt bằng ngày 30/5/2008: Ông T được giao lô số 02 diện tích 7.200 m²; ông Vũ Bá H1 lô số 03 diện tích 7.000 m².

Kết luận của Thanh tra số 12/KL-TTr của UBND huyện Than Uyên ngày 15/6/2001: Ông H được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482 ngày 21/6/2000, có nguồn gốc là đất của Hợp tác xã Xuân Thành (sau khi Hợp tác xã giải thể giao cho các hộ gia đình để trồng chè); diện tích nghiệm thu trồng chè trong sổ tay của ông Kiều Tràng T2 (nguyên trưởng bản Sen Đông) năm 1999-2002 là 17.000 m².

Hồ sơ địa chính, sơ đồ, bản đồ giao đất năm 2000 gia đình ông Đỗ Văn H đã được UBND huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482 ngày 21/6/2000 với diện tích 17.000 m² đất trồng cây lâu năm, các cơ quan chuyên môn, UBND xã Mường Than cắm mốc ngoài thực địa giao đủ diện tích đất cho ông Đỗ Văn H, vị trí các thửa đất: Thôn Sen Đông 1, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, cụ thể:

+ Thửa 20.22 có diện tích 8.000 m² thực hiện cắm mốc thực tế thực địa 8.898 m². Vị trí giáp ranh: Phía Bắc giáp đất ông Kiều Văn D và đất UBND xã quản lý, phía Nam giáp đất ông Đỗ Văn H (thửa 20.07), phía Đông giáp đất ông Nguyễn Quang H4, phía Tây giáp đất UBND xã quản lý.

+ Thửa 20.07 có diện tích 9.000 m² thực hiện cắm mốc trên thực tế thực địa 8.102 m². Vị trí giáp ranh: Phía Bắc giáp đất ông Đỗ Văn H (thửa 20.22), phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị T3, ông Phan Thanh S, phía Đông giáp đất bà Phan Thị H5 ông Phan Huy D1, phía Tây giáp đất UBND xã quản lý.

Năm 1999-2000 hộ ông Kiều Văn D trồng chè trên khu đất thuộc đồi Pom Ên và được nghiệm thu với diện tích 23.000 m² (theo sổ tay ghi chép của ông Kiều Tràng T) là khớp với diện tích đất hiện tại ông Kiều Văn D đang canh tác

(21.506m²), qua đó xác định thửa đất số 20.07 của hộ gia đình ông Đỗ Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không nằm trong diện tích đất hộ ông Kiều Văn D đang sử dụng.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất hiện tại, hồ sơ địa chính, biên bản bàn giao mặt bằng cho hộ ông Vũ Như T, Vũ Bá H1 năm 2008 xác định. Tại thửa 20.22, hộ ông Vũ Bá H1 đã trồng thông lên diện tích đất cấp cho ông Đỗ Văn H là 6.582 m²; Tại thửa 20.27, hộ ông Vũ Như T đã trồng thông lên diện tích đất cấp cho ông Đỗ Văn H là 3.466 m². Diện tích đất này nằm ngoài diện tích ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 được bàn giao mặt bằng theo biên bản do cơ quan trực thuộc UBND ký ngày 30/5/2008. Diện tích mà UBND huyện bàn giao cho hộ ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H không chồng lấn với diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn H số R003482 ngày 21/6/2000.

[1.4] Ngoài ra các lời khai những người làm chứng phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2] Bản án Bản án số: 11/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông T, ông H1 trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm của ông H tại Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (ông H1 là 6.582m², nằm trong thửa 20.22 tờ bản đồ SD02; ông T là 3.466,5 m², nằm trong thửa 20.07 tờ bản đồ SD02).

- Buộc ông T, ông H1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông H, bà H2, cụ thể: Ông H1 bồi thường 68.452.800 đồng; ông T bồi thường 36.051.600 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, cụ thể: Bồi thường sản lượng chè từng năm (từ năm 2012-2024); Bồi thường giá trị cây chè 21 năm tuổi và các khóm chè còn lại trên đất; Bồi thường 13.000m² đất ông H1 mức để làm gạch.

- Ông H được sở hữu: 372 cây Thông tại thửa đất 20.07 (đã được đánh chính) và có nghĩa vụ trả giá trị cho ông T là 34.890.000 đồng; 691 cây Thông tại thửa đất 20.22 (đã được đánh chính) và có nghĩa vụ trả giá trị cho ông H1 là 52.204.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn ông T, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lấn chiếm của ông H được Toà án chấp nhận.

Ông T phải nộp 1.802.580 đồng; ông Hiền phải nộp 3.422.640 đồng án phí tương ứng với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông H được Toà án chấp nhận.

Ông H phải nộp án phí tương ứng với yêu cầu bồi thường thiệt hại cây chè, sản lượng chè hàng năm, đất bị mức làm không được Toà án chấp nhận là 51.404.686 đồng, ông H đã nộp tiền tạm ứng 27.270.000 đồng (được chuyển thành án phí), còn phải nộp tiếp 24.134.686 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản: Buộc bị đơn là ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 phải hoàn trả cho ông Đỗ Văn H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000 đồng; chi phí định giá tài sản là 1.825.000 đồng.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 11/10/2024 ông Đỗ Văn H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét phần bồi thường thiệt hại: Cây chè 24 năm tuổi; Múc đất làm gạch; 12 năm không được thu hoạch.

- Ngày 13/10/2024 ông Vũ Như T và ông Vũ Bá H1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị HĐXX căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và các bị đơn ông T, ông H1; sửa một phần bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu theo hướng:

- Buộc ông T trả lại ông H 3.465m² (nằm trong thửa 20.07) đất đã lấn chiếm; bồi thường cho ông H 37.438.200 đồng (giá trị sản lượng chè).

- Buộc ông H1 bồi thường cho ông H 71.085.600 đồng (giá trị sản lượng chè).

- Ông H được sở hữu 372 cây thông (nằm trong thửa 20.07), có nghĩa vụ trả 36.882.000 đồng giá trị cây thông cho ông T.

- Án phí dân sự có giá ngạch (do phải sửa án sơ thẩm) theo hướng:

+ Nguyên đơn phải chịu 61.784.286 đồng án phí tương ứng với số tiền không được chấp nhận 1.659.476.200 đồng (1.768.000.000 đồng – 108.523.800 đồng).

+ Ông H1 phải chịu 3.554.280 đồng án phí tương ứng với số tiền 71.085.600 đồng yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

+ Ông T phải chịu 1.871.910 đồng án phí tương ứng với số tiền 37.438.200 đồng yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

+ Bị đơn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho ông T.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí.
- Các nội dung khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xác định tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ yêu cầu khởi kiện cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26 và thẩm quyền thuộc TAND huyện Than Uyên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39/BLTTDS là phù hợp.

[3] Xét nội dung vụ án, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. HĐXX phúc thẩm xét thấy.

[3.1] Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ:

- Năm 2000, ông Đỗ Văn H được UBND huyện Than Uyên cấp 17.000m² đất trồng cây lâu năm tại đồi Pom Én, thuộc thôn Sen Đông 1, xã Mường Than, huyện Than Uyên; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482 ngày 21/6/2000 gồm 02 thửa: Thửa 20.07, diện tích sử dụng 9.000 m² và Thửa 20.22, diện tích sử dụng 8.000 m² (tờ bản đồ SD02); nguồn gốc các thửa đất của Hợp tác xã Xuân Thành, sau khi giải thể UBND huyện giao cho các hộ gia đình đề trồng chè (năm 2000 ông H bắt đầu trồng chè, đến năm 2001 được nghiệm thu tổng là 14.000 m²).

- Đất ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 được UBND huyện giao sản xuất vật liệu xây dựng tại bản Cẩm Trung 4 (hiện nay là Cẩm Trung 2), xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Theo Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 27/4/2007 của Huyện uỷ Than Uyên và Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND huyện Than Uyên. Ông T được giao lô số 02 diện tích 7.200 m²; ông H được giao lô số 03 diện tích 7.000 m².

- Xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Không có việc chồng lấn giữa các thửa, quá trình sử dụng ông H1 lấn chiếm 6.582m², nằm trong thửa số 20.22 của ông H (trên đất có 691 cây thông và 189 khóm chè); ông T lấn chiếm 3.465m² (theo sơ đồ khu đất ngày 15/01/2025), nằm trong thửa 20.07 của hộ ông H (trên đất có 372 cây thông và 161 khóm chè). Do đó cấp sơ thẩm xác định ông T, ông H1 đã có hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất (vi phạm quy định tại các Điều 105 Luật đất đai 2003; khoản 1 Điều 12, Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 11, Điều 26 Luật đất đai 2024) và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn

trả lại phần đất đã lấn chiếm là có căn cứ (theo các mốc giới của sơ đồ kèm theo).

[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản:

- Khi trồng chè ông H sử dụng 800kg hạt chè giống (được ghi trong sổ và xác nhận của ông Kiều Trảng T, BL203) và được nghiệm thu là 14.000m²; năm 2001 bắt đầu thu hoạch; năm 2010 ông T, ông H1 đào hố trồng cây thông lên đất chè, bị ngăn cản nên dừng lại, cây thông đã trồng ông H không nhổ bỏ. Năm 2012 khi ông H vi phạm pháp luật, trốn nã, sau đó đi chấp hành án. Ông T, ông H1 đã lấn chiếm đất của ông H để trồng thông. Kết luận định giá tài sản số 17/HĐ-ĐGTS ngày 23/8/2024 và Công văn đính chính 591/HĐ ĐGTS ngày 24/10/2024 xác định: Sản lượng chè bị thiệt hại đối với 6.582m² do ông H1 lấn chiếm có giá trị 71.085.600 đồng; Sản lượng chè bị thiệt hại đối với 3.465m² theo kết quả ủy thác thu thập tài liệu chứng (cũ là 3.466,5m²) do ông T lấn chiếm có giá trị 37.438.200 đồng.

- Giữa hành vi xâm phạm và hậu quả có mối quan hệ nhân quả với nhau; lỗi do ông T, ông H1 gây ra. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc các bị đơn bồi thường giá trị theo kết luận định giá.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Bồi thường sản lượng chè từng năm; giá trị cây chè 21 năm tuổi và các khóm chè còn lại trên đất là phù hợp với quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất (đất lấy làm gạch): Yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại 13.000m² (do sơ xuất, thực tế là m³) trị giá 500.000.000 đồng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, ông H không cung cấp được căn cứ chứng minh nào khác nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù hợp.

[3.4] Đối với số thông ông T trồng 372 cây, trên thửa 20.07 (Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án) theo định giá có giá trị là 36.882.000 đồng; ông H1 trồng 691 cây, trên thửa 20.22 có giá trị 52.204.000 đồng. Do các bên không thỏa thuận được; để đảm bảo quyền lợi theo quy định, cấp sơ thẩm giao cho ông H quản lý số cây thông và có trách nhiệm bồi thường cho ông T và ông H1 theo giá trị định giá là phù hợp.

[3.5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông H đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.800.000 đồng, chi phí định giá tài sản 1.825.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc các bị đơn phải chịu chi phí này là phù hợp.

[3.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc ông T, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng là chưa đúng theo quy định, cần sửa án sơ thẩm, buộc “ông Toan, ông H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm” theo quy định (ông T không có thủ tục xin miễn án phí).

- Ông H phải nộp 61.784.286 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; ông H1 phải nộp 3.554.280 đồng, ông T phải nộp 1.871.910 đồng án phí đối với yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận là phù hợp.

[3.7] Các nội dung khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và các bị đơn. Tuy nhiên có những sai sót về xác định giá trị thiệt hại (theo đúng chính của Hội đồng định giá) do đó cần sửa án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và xác định lại nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn; các bị đơn không được chấp nhận tuy nhiên HĐXX sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn và các bị đơn không phải chịu án phí DSPT.

[5] Người kháng cáo không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào do đó HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu miễn án phí DSST và án phí DSST có giá ngạch cho ông Toan là không có cơ sở (ông Toan là người cao tuổi, đến phiên tòa sơ thẩm cũng không có thủ tục xin miễn án phí); các đề nghị khác là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Văn H; các bị đơn ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1.

Sửa bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91; 146; 147; 150; 157; 158; 165; 166; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự. Điều 105 Luật đất đai năm 2003. Khoản 1 Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Điều 11; Điều 26 Luật đất đai năm 2024. Điểm b khoản 3 Điều 24; khoản 1, 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.1]. Buộc ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm của ông Đỗ Văn H tại Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, cụ thể:

- Ông Vũ Bá H1 có nghĩa vụ trả lại diện tích 6.582m², nằm trong thửa số 20.22, tờ bản đồ SD02 diện tích 8.000m² cấp cho ông Đỗ Văn H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482 ngày 21/6/2000. Vị trí: Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; có tứ cận: phía Bắc giáp đất ông Kiều Văn D; phía Nam giáp thửa 20.07 của ông H; phía Đông giáp đất còn lại thửa 20.22; phía Tây giáp Lô số 3 (ông H1 quản lý, sử dụng). Gồm các mốc từ 1-16-17-18-19-20-21-22-23-24-25-26-27-28-29-30-31-2-1 (có sơ đồ kèm theo).

- Ông Vũ Như T có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 3.465 m², nằm trong thửa số 20.07, tờ bản đồ SD02 diện tích 9.000m² cấp cho ông Đỗ Văn H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R003482 ngày 21/6/2000. Vị trí: Bản Sen Đông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; có tứ cận phía Bắc giáp thửa 20.22, phía Nam, phía Đông giáp đất còn lại của thửa 20.07, phía Tây giáp Lô số 2 (ông T quản lý, sử dụng). Gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-1 (có sơ đồ kèm theo).

[1.2]. Buộc ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đỗ Văn H, bà Mai Thị H2, cụ thể:

- Buộc ông Vũ Bá H1 bồi thường cho ông Đỗ Văn H, bà Mai Thị H2 sản lượng chè bị mất có giá trị 71.085.600 đồng (*Bảy mươi một triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*).

- Buộc ông Vũ Như T bồi thường cho ông Đỗ Văn H, bà Mai Thị H2 sản lượng chè bị mất có giá trị 37.438.200 đồng (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng*).

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H gồm:

- Sản lượng chè từng năm kể từ khi cây chè bị chặt phá đến thời điểm giải quyết vụ án (từ năm 2012-2024).

- Giá trị cây chè 21 năm tuổi và các khóm chè còn lại trên đất.

- 13.000m³ đất ông Vũ Bá H1 mức để làm gạch (không có căn cứ tính khối lượng).

[3]. Ông Đỗ Văn H được sở hữu 372 cây Thông tại thửa đất 20.07 và có nghĩa vụ trả giá trị Thông cho ông Vũ Như T 36.882.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Ông Đỗ Văn H được sở hữu 691 cây Thông tại thửa đất 20.22 và có nghĩa vụ trả giá trị Thông cho ông Vũ Bá H1 là 52.204.000 đồng (*Năm mươi hai triệu, hai trăm linh tư nghìn đồng*).

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản:

Ông Vũ Như T, ông Vũ Bá H1 phải hoàn trả cho ông Đỗ Văn H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) và chi phí định giá tài sản 1.825.000 đồng (*Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Mỗi người là 2.312.500 đồng (*hai triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

[5]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Vũ Như T và ông Vũ Bá H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

+ Ông Vũ Như T phải nộp 1.871.910 đồng (*Một triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Đỗ Văn H được Toà án chấp nhận.

+ Ông Vũ Bá H1 phải nộp 3.554.280 đồng (*Ba triệu, năm trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Đỗ Văn H được Toà án chấp nhận.

+ Ông Đỗ Văn H phải nộp án phí tương ứng với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được Toà án chấp nhận là 61.784.286 đồng. Xác nhận ông Đỗ Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 27.270.000 đồng theo biên lai số 0000518 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, nay chuyển thành án phí. Ông Đỗ Văn H còn phải nộp 34.514.286 đồng (*Ba mươi tư triệu, năm trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông H; các bị đơn (ông T, ông H1) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông H 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0001220, ngày 21/10/2024; ông H1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0001225, ngày 25/10/2024 tại Chi cục THADS huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[6]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- TAND huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Long



SƠ ĐỒ KHU ĐẤT ĐANG TRANH CHẤP GIỮA:
Ông Đỗ Văn Hanh và Ông Vũ Như Toàn, Ông Vũ Bá Hiện
Kèm theo biên bản làm việc ngày 15/1/2025

